

**CÔNG TY TNHH NORDIC INTERIOR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NORDIC INTERIOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORDIC INTERIOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NORDIC INTERIOR CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110175355

**3. Ngày thành lập:** 08/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 151 Tổ 9, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969567721

Fax:

Email:

Website: *nordic.quantri@gmail.com*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                       | 4610        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 9.  | Cổng thông tin<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động thông tấn, báo chí)                                             | 6312        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                 | 7110        |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                      | 7120        |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                           | 7212        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                               | 7320        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                      | 7410(Chính) |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690        |
| 17. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                      | 1610        |
| 18. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                   | 1621        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629 |
| 21. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                       | 2395 |
| 22. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                           | 2396 |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591 |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599 |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)                                                                           | 4791 |
| 27. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)                                                                                      | 4799 |
| 28. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 29. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                              | 3211 |
| 30. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                          | 3212 |
| 31. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 33. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 34. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 35. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 38. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 39. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 41. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 42. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: Kinh doanh tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)                                                 | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN DŨNG   | Việt Nam  | Thôn Hiền Lễ, Xã Cao Minh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam | 800.000.000           | 40,000    | 026097004449                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN TRUNG HIẾU | Việt Nam  | Tổ 9 Y Sơn, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 1.200.000.000         | 60,000    | 001093018612                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026097004449

Ngày cấp: 22/01/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Hiền Lễ, Xã Cao Minh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hiền Lễ, Xã Cao Minh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội